TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Bùi Hoàng Ân**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Mến**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị K**, sinh năm 1992. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn L**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn L thành hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống được 14 năm, lúc đầu có hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau do anh L thường xuyên rượu chè và quen bạn bè trên mạng xã hội, không quan tâm đến chị, vợ chồng sống không tin tưởng nhau. Vợ chồng đã ly thân 02 tháng nay. Nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh xin được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Phạm Khánh D, sinh ngày 01/02/2014 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian thành hôn, đăng ký kết hôn. Anh xác định quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu có hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn do vợ anh nghi ngờ anh có người phụ nữ khác và anh bắt gặp vợ anh nhắn tin với bạn trai bên ngoài từ đó vợ chồng cự cãi và đôi lúc có đánh nhau. Nay theo yêu cầu xin ly hôn của chị K thì anh không đồng ý, vì còn thương vợ, con. Anh mong muốn được hàn gắn đoàn tụ để cùng nuôi con. Về con chung hiện đang sống trực tiếp với chị K. Nếu Toà án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi nuôi con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Phạm Thị K trình bày: Chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh L do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa. Con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Phạm Thị K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Lê Văn L cư trú tại ấp N, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn anh Lê Văn L được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Phạm Thị K và anh Lê Văn L thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 vào ngày 06/01/2012 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh L là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị K và anh L thời gian đầu sống rất hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đôi lúc có đánh nhau do chị K và anh L ghen tuông nghi kỵ lẫn nhau. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải giúp đở đoàn tụ nhưng chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị K cương quyết xin ly hôn với anh L. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị K và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị K là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy con chung tên Lê Phạm Khánh D, sinh ngày 01/02/2014 hiện đang sống trực tiếp với chị K, cuộc sống của cháu cũng đảm bảo và cháu Duy có nguyện vọng muốn sống chung với chị K. Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét anh Lê Văn L yêu cầu nuôi con nhưng con chung có nguyện vọng sống chung với chị K như đã nhận định trên. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh L.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị K và anh Lê Văn L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị K phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị K. Xử cho chị K ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Phạm Khánh D, sinh ngày 01/02/2014 cho chị Phạm Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị K và anh Lê Văn L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị K có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị K đã nộp theo biên lai thu số 0011554 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị K đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 06/01/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An